

Phẩm 5: NHỮNG ĐIỀU ĐẠI CHÚNG HỎI PHẬT

Bấy giờ, trên khuôn mặt của Đức Thế Tôn phóng ra đủ loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím chiếu đến thân Thuần-đà. Gặp ánh sáng ấy, Thuần-đà cùng các quyến thuộc đem đủ loại thức ăn thượng hạng nhanh chóng đến chỗ Phật. Vì muốn dâng lên Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng bữa cúng dường cuối cùng nên Thuần-đà chuẩn bị đủ loại thức ăn chứa đầy trong các vật đựng đem đến trước Phật.

Khi ấy, có hàng trời, người với oai đức lớn vây quanh ngăn cản Thuần-đà và nói: “Thôi đi Thuần-đà, chớ có dâng cúng!”.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền phóng ra vô lượng vô biên các loại ánh sáng, chư Thiên và mọi người gặp ánh sáng ấy mới cho Thuần-đà đến trước Phật dâng đồ cúng dường.

Khi ấy, hàng trời người và chúng sinh tự đem vật cúng dường đến trước Phật, quỳ xuống thưa:

–Xin Như Lai cho các Tỳ-kheo nhận thức ăn này.

Lúc này, các Tỳ-kheo biết là đúng lúc, nên mang y bát, nhất tâm an tưởng.

Bấy giờ, Thuần-đà vì Phật và Tăng nên bố thí đủ loại tòa sư tử báu, treo phướn lọng bằng lụa báu, hương hoa, chuỗi ngọc. Lúc này ba ngàn đại thiên thế giới trang nghiêm vi diệu giống như cõi Cực lạc ở phương Tây.

Khi ấy, ở trước Đức Phật, Thuần-đà ưu sầu buồn bã lại bạch:

–Cúi xin Như Lai mở lòng thương xót trụ thêm một kiếp hoặc non một kiếp.

Phật bảo Thuần-đà:

–Ông muốn Ta trụ lâu ở đời thì hãy mau dâng cúng đầy đủ Thí Ba-la-mật cuối cùng.

Bấy giờ, tất cả Đại Bồ-tát cùng các chúng sinh, trời người khác miệng cùng lời xưng lớn như vậy: “Lạ thay Thuần-đà! Ông thành tựu phước đức lớn, có thể làm cho Đức Như Lai nhận bữa cúng

dường vô thượng cuối cùng. Chúng ta quá đói vô phước, phẩm vật cúng dường đã sấm sửa trở nên uống phí”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn cho tất cả chúng sinh thỏa mãn sự mong ước nên hóa ra vô lượng Đức Phật nơi mỗi lỗ chân lông trên thân. Mỗi một Đức Phật đều có vô lượng Tỳ-kheo Tăng. Chư Thế Tôn này cùng vô lượng chúng đều thị hiện nhận lãnh phẩm vật cúng dường của họ. Riêng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhận lãnh phẩm vật cúng dường của Thuần-đà.

Khi ấy, Thuần-đà đem dâng vật thực đã nấu chín đựng đầy tám hộc của nước Ma-già-đà. Nhờ thần lực của Phật nên tất cả chúng hội đều được no đủ. Thấy việc này, Thuần-đà vô cùng vui mừng phấn khởi. Tất cả đại chúng cũng như vậy.

Khi ấy, đại chúng nương vào Thánh chỉ của Phật, đều nghĩ: “Nay Đức Như Lai đã thọ bữa cúng dường của chúng ta, chẳng bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Niết-bàn”. Nghĩ như vậy xong, sinh tâm vui buồn lẫn lộn.

Bấy giờ, khu đất nơi rừng cây tuy nhỏ hẹp nhưng nhờ thần lực của Phật nên dù chỗ nhỏ như đầu mũi kim cũng đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn cùng các quyến thuộc ngồi dùng thức ăn, thức ăn đều giống nhau.

Khi ấy, hàng trời, người A-tu-la v.v... khóc lóc buồn than: “Nay Đức Như Lai đã thọ bữa cúng dường cuối cùng của chúng ta. Thọ xong Đức Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Sau này chúng ta sẽ cúng dường ai đây? Từ nay chúng ta mãi mãi lìa xa đấng Điều Ngự Vô Thượng! Như kẻ mù lòa không thấy gì!”.

Khi ấy, muốn an ủi tất cả đại chúng, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các ông chớ buồn than
Pháp chư Phật như vậy
Ta đã nhập Niết-bàn
Trải qua vô lượng kiếp
Thường hưởng vui tối thắng
Chỗ mãi mãi an ổn
Các ông hãy lắng nghe*

Ta sẽ nói Niết-bàn.
Ta đã lia tướng ăn
Không còn khổ đói khát
Ta nay vì các ông
Nói nguyện tùy thuận ấy
Khiến tất cả chúng sinh
Đều được vui an ổn
Các ông nghe nên hành
Pháp chư Phật thường trụ
Giả sử chim, cú mèo
Cùng đậu chung một cành
Như anh em thân thiết
Vậy mới Niết-bàn hẳn
Như Lai xem tất cả
Giống như La-hầu-la
Thường được chúng sinh kính
Đâu phải Niết-bàn hẳn
Giả sử rắn, chuột, sói
Cùng chung ở một hang
Thương nhau như anh em
Vậy mới Niết-bàn hẳn
Như Lai xem tất cả
Giống như La-hầu-la
Thường được chúng sinh kính
Đâu phải Niết-bàn hẳn
Giả sử hoa Thất diệp
Chuyển thành Bà-sư hương
Ca-lưu thành Trấn-đầu
Vậy mới Niết-bàn hẳn
Như Lai xem tất cả
Giống như La-hầu-la
Sao lại bỏ từ bi
Mà vào hẳn Niết-bàn

Giả sử Nhất-xiển-đề
Hiện thân thành Phật đạo
Ở chỗ vui bậc nhất
Vậy mới vào Niết-bàn
Như Lai xem tất cả
Đồng như La-hầu-la
Sao lại bỏ từ bi
Mà vào hẩn Niết-bàn
Giả sử tất cả chúng
Cùng lúc thành Phật đạo
Lìa xa các tội lỗi
Vậy mới nhập Niết-bàn
Như Lai xem tất cả
Đều như La-hầu-la
Sao lại bỏ từ bi
Mà vào hẩn Niết-bàn
Giả sử nước tiểu muối
Ngấm tan hoại đại địa
Tràn trề sông, hang, biển
Vậy mới nhập Niết-bàn
Tâm bi xem tất cả
Đều như La-hầu-la
Thường được chúng sinh kính
Đâu phải Niết-bàn hẩn
Vì vậy nên các ông
Phải ưa thích chánh pháp
Không nên sinh ưu buồn
Khóc lóc và sầu thảm
Nếu muốn hạnh chân chánh
Tu Như Lai thường trụ
Nên quán pháp như vậy
Còn mãi không thay đổi
Lại nên nghĩ thế này

*Tam bảo là thường trụ
 Tức được hộ trì lớn
 Như cây khô sinh quả
 Đó gọi là Tam bảo
 Bốn chúng nên khéo nghe
 Nghe rồi sinh vui mừng
 Liền phát tâm Bồ-đề
 Nếu cho rằng Tam bảo
 Thường trụ cùng chân đế
 Thì đó là thệ nguyện
 Tối thượng của chư Phật.*

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có thể dùng thệ nguyện tối thượng của Như Lai mà phát nguyện, thì nên biết người này không có ngu si, xứng đáng nhận sự cúng dường. Nhờ nguyện lực này nên được phước báo. Công đức tối thắng như A-la-hán ở thế gian. Nếu người nào không quán chiếu rõ Tam bảo là thường trụ như vậy, thì người này chính là Chiên-đà-la. Nếu ai biết rõ Tam bảo là thường trụ, nhân duyên của thật pháp, thì lìa khổ được an lạc, không ai nhiều hại và gây trở ngại.

Bấy giờ, đại chúng trời, người, A-tu-la v.v... nghe pháp này rồi vô cùng vui mừng phấn khởi, tâm ý nhu hòa, khéo diệt trừ các triền cái, tâm không cao thấp, oai nghi thanh tịnh, nhan sắc tươi vui, biết Phật thường trụ, nên thiết lễ cúng dường theo cách chư Thiên, rải đủ các loài hoa, hương bột, hương xoa, tấu đủ các loại âm nhạc cõi trời để cúng dường Phật.

Lúc này, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông có thấy những việc hiếm có này không?

Ca-diếp thưa:

–Dạ thấy, bạch Thế Tôn! Con thấy các Đức Như Lai vô lượng, vô biên chẳng thể tính đếm, thọ nhận vật thực cúng dường của các đại chúng trời người dâng cúng. Lại thấy thân chư Phật cao lớn tốt đẹp, mà chỗ ngồi nhỏ như mũi kim, nhiều chúng vây quanh mà không làm chướng ngại nhau. Lại thấy đại chúng liền phát thệ

nguyện nói mười ba bài kệ, cũng biết tâm niệm của đại chúng, ai cũng nghĩ rằng, hôm nay Như Lai chỉ thọ nhận phẩm vật của mình. Giả sử đem vật thực cúng dường của Thuần-đà nghiền nát thành bụi, rồi dâng một hạt bụi đó lên một Đức Phật còn không đủ hết. Nhờ sức oai thần của Đức Phật nên tất cả đại chúng đều được no đủ. Chỉ có các vị Đại Bồ-tát và Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi v.v... mới biết việc hiếm có này, tất cả đều là phương tiện thị hiện của Như Lai. Đại chúng Thanh văn và A-tu-la v.v... đều biết Như Lai là pháp thường trụ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay có thấy việc hiếm có đặc biệt này không?

–Dạ thầy, bạch Thế Tôn! Trước đây con đã thấy thân của vô lượng chư Phật đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, nay thấy các Đại Bồ-tát tướng mạo cao lớn tốt đẹp thù thắng vi diệu. Khác lạ và thấy thân Phật như cây thuốc được các Đại Bồ-tát vây quanh.

Phật bảo Thuần-đà:

–Vô lượng Đức Phật mà trước ông đã thấy, đều do Ta hóa hiện, vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh khiến được an vui. Các Đại Bồ-tát như thế, hạnh nguyện tu hành không thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng Phật sự.

Này Thuần-đà! Ông nay đã thành tựu hạnh Đại Bồ-tát, được trú mười địa, đã làm xong đầy đủ công hạnh của Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Như lời Thế Tôn dạy, sự tu tập của Thuần-đà đã thành tựu hạnh Bồ-tát, con cũng vui theo. Hôm nay Như Lai muốn làm ánh sáng lớn cho vô lượng chúng sinh ở đời vị lai, nên nói kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa này. Bạch Thế Tôn! Tất cả kệ kinh nói nghĩa hữu dư hay nghĩa vô dư?

–Này thiện nam! Điều mà Như Lai đã nói nghĩa hữu dư cũng là nghĩa vô dư.

Thuần-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã bảo: “Vật gì mình có. Đem bố thí

hết. Chỉ nên ca ngợi. Chớ nên chê bai”

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Giữ giới, phá giới có khác nhau không?

Phật dạy:

–Chỉ trừ một hạng người còn ngoài ra những ai bố thí đều nên khen ngợi.

Thuần-đà lại hỏi:

–Vì sao nói chỉ trừ một hạng người?

Phật dạy:

–Người phá giới, như trong kinh này đã nói.

Thuần-đà lại thưa:

–Con nay vẫn chưa hiểu, cúi mong Thế Tôn nói rõ cho.

Phật bảo:

–Này Thuần-đà! Người phá giới gọi là Nhất-xiển-đề. Ngoài ra tất cả những ai bố thí đều nên tán thán sẽ được phước báo rất lớn.

Thuần-đà lại hỏi:

–Nhất-xiển-đề nghĩa là gì?

Phật dạy:

–Này Thuần-đà! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào nói lời thô ác, hủy báng chánh pháp, tạo nghiệp sâu nặng, mãi không hối cải, tâm không hổ thẹn, thì những người như thế gọi là hướng đến đường Nhất-xiển-đề. Nếu ai phạm bốn tội nặng, tội ngũ nghịch, biết mà cố ý phạm, các tội nặng như thế mà không lo sợ, không hổ thẹn, không chịu phát lồ, đối với chánh pháp, vĩnh viễn không có tâm kiến lập hộ trì, trái lại chê bai, khinh rẻ, nói nhiều điều tội lỗi, thì những người như vậy cũng gọi là hướng đến đường Nhất-xiển-đề. Chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề này, còn ngoài ra tất cả những ai bố thí đều nên tán thán.

Bấy giờ, Thuần-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói phá giới nghĩa đó là sao?

Phật bảo:

–Này Thuần-đà! Nếu ai phạm bốn tội nặng và tội ngũ nghịch,

hủy báng chánh pháp thì những người như thế gọi là phá giới.

Thuần-đà lại hỏi:

–Những kẻ phá giới như thế có thể cứu vớt họ được không?

Phật bảo:

–Có nhân duyên thì có thể cứu vớt được, nếu kẻ đó chưa xả pháp phục, tâm thường hổ thẹn, lo sợ mà tự trách mình: “Chao ôi! Tại sao mình phạm tội nặng như vậy! Thật kỳ lạ thay, sao mình lại tạo nghiệp khổ ấy!”. Trong lòng ăn năn, sửa đổi, sinh tâm hộ trì chánh pháp, muốn kiến lập chánh pháp và phát nguyện cúng dường cho người hộ trì chánh pháp, tự nhủ: “Nếu có người nào đọc tụng kinh điển Đại thừa, mình sẽ thưa hỏi để thọ trì đọc tụng. Khi đã thông hiểu rồi mình lại phân biệt giảng nói rộng cho người khác”. Như Lai nói những người như thế là không phá giới. Tạo sao? Đây thiện nam! Ví như mặt trời mọc lên thì có thể phá trừ tất cả bóng tối. Kinh Đại Bát Niết Bàn vi diệu này xuất hiện ở đời cũng như vậy, nó có thể phá trừ các tội lỗi mà chúng sinh đã tạo trong vô lượng kiếp. Cho nên kinh này nói hộ trì chánh pháp được quả báo lớn, cứu vớt những người phá giới. Nếu có ai hủy báng chánh pháp mà tự ăn năn, sửa đổi trở về với chánh pháp, tự nghĩ tất cả điều ác đã làm như người tự hại mình, liền sinh hổ thẹn, lo âu, sợ hãi, nghĩ là trừ chánh pháp ra không ai có thể cứu được mình, nên ta phải quay về nương tựa chánh pháp, nếu có thể y như lời nói như thế mà quay về, bố thí thì người ấy được phước đức vô lượng, cũng gọi là người xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của thế gian.

Nếu người phạm những tội nặng như trên, trải qua một tháng, nửa tháng không phát lồ, không nương tựa chánh pháp thì người nào bố thí cho người này được phước rất ít.

Nếu người phạm tội ngũ nghịch thì cũng như vậy, ôm lòng hổ thẹn, ăn năn, sám hối: “Nghiệp ác mà ta đã tạo nay phải chịu khổ lớn. Cho nên ta sẽ kiến lập hộ trì chánh pháp”. Vì vậy người này không gọi là phạm tội ngũ nghịch. Nếu người nào bố thí cho người này thì phước báo vô lượng.

Nếu người phạm tội ngũ nghịch rồi không hộ trì, nương tựa

chánh pháp, thì người nào bố thí cho người này, phước báo không là bao.

Lại nữa, này thiện nam! Ông nên lắng nghe, Ta sẽ phân biệt giảng nói rộng cho ông, người phạm tội nặng nên nghĩ: “Chánh pháp tức là kho tàng vi mật Đức Như Lai. Do vậy ta nên hộ trì kiến lập”. Nên ai bố thí người như thế thì được phước báo thù thắng.

Này thiện nam! Ví như người phụ nữ mang thai gần đến kỳ sinh, trong nước gặp thời loạn lạc, cô ta trốn lánh qua nước khác, trên đường đi sinh con tại một miếu trời. Khi nghe đất nước của mình được an ổn, thịnh vượng, cô liền dắt con trở về quê cũ. Trên đường về gặp con sông lớn nước chảy xiết công con trên lưng không thể lội qua, cô ta liền nghĩ: “Ta thà chết với con chứ không bỏ nó mà lội qua một mình”. Nghĩ như thế xong, hai mẹ con bị nước cuốn trôi. Người phụ nữ ấy bản tánh xấu ác nhưng nhờ lòng thương con, nên sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Cũng vậy, người phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián nên sinh tâm hộ trì chánh pháp cũng lại như vậy, tuy trước đã làm những điều bất thiện nhưng sau nhờ hộ trì chánh pháp nên được phước đức vô lượng ở thế gian. Người hộ trì chánh pháp này có vô lượng quả báo như vậy.

Thuần-đà lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Nhất-xiển-đề đã ăn năn, hối cải, cung kính cúng dường, tán thán Tam bảo, thì người nào bố thí cho người này có được quả báo lớn không?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ví như có người ăn quả Am-la, nhỏ hạt xuống đất, rồi lại nghĩ rằng hạt của quả này có lẽ ngọt lắm, liền đập bể ra nếm thử, nhưng vị của quả ấy rất đắng, trong lòng hối tiếc, sợ mất giống cây này liền thân nhặt lại đem ươm nơi đất, siêng năng chăm sóc, dùng dầu, tồ, sữa tùy lúc tưới bón. Ý ông nghĩ sao? Hạt ấy có thể nảy mầm lên được không?

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Dù trời có mưa nước cam lồ vô thượng nó cũng không mọc lên được.

–Này thiện nam! Chúng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, vì đã

thieu đốt hết các thiện căn thì làm sao mà trừ được tội lỗi. Nếu sinh tâm thiện thì không gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Vì ý nghĩa này mà mọi sự cúng dường đều có phước báo khác nhau. Vì sao? Vì cúng dường các vị Thanh văn được phước báo khác, cúng dường Duyên giác được phước báo cũng khác, chỉ riêng cúng dường Như Lai thì được phước báo trên hết. Cho nên nói tất cả sự cúng dường phước báo đều sai khác.

Thuần-đà lại thưa:

–Vì sao Như Lai nói kệ này?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Có nhân duyên Như Lai mới nói kệ này. Trong thành Vương-xá có một Ưu-bà-tắc không có lòng tin thanh tịnh, phụng thờ phái Ni-kiền-tử. Ông ấy đến hỏi Ta về ý nghĩa của sự cúng dường. Do nhân duyên đó mà Ta nói kệ, cũng vì các Đại Bồ-tát mà nói tạng bí mật.

Bài kệ này ý nghĩa như thế nào? Tất cả là một phần nhỏ của tất cả, nên biết Đại Bồ-tát là bậc oai hùng trong loài người. Người nào giữ gìn giới cấm thì cung cấp vật cần dùng, người nào phá giới thì loại bỏ như cỏ rác. Lại nữa, này thiện nam! Như thuở xưa, Ta nói kệ:

*Tất cả các sông ngòi
Chắc chắn có chỗ cong
Tất cả những núi rừng
Đều có cỏ cây mọc
Tất cả những người nữ
Đều mang tâm dua, vạ
Tất cả bậc Tự tại
Đều thụ hưởng an lạc.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải, đánh lễ sát chân Phật, quỳ gối nói kệ:

*Chẳng phải tất cả sông
Đều có chỗ uốn cong*

*Chẳng phải tất cả rừng
 Đều có cây cỏ mọc
 Chẳng phải tất cả nữ
 Đều mang tâm dua vạy
 Tất cả bậc Tự tại
 Không chắc được an lạc.*

Như Lai nói kệ này, nghĩa vẫn còn có ngoại lệ, cúi xin Như Lai thương xót chúng con mà nói nhân duyên này. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nơi ba ngàn đại thiên thế giới này, có một cõi tên là Ca-da-ni, ở nơi ấy có dòng sông Ta-bà-da đẹp đẽ, thẳng tắp như giăng dây, chảy thẳng ra biển Tây. Tướng của con sông này ở trong các kinh Đức Phật chưa nói đến. Cúi xin Thế Tôn nhân nói kinh Phương Đẳng này mà nói nghĩa chưa trọn vẹn trong kinh A-hàm, khiến cho các Bồ-tát hiểu sâu về nghĩa này.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người trước biết quặng vàng mà sau không không biết vàng. Như Lai cũng vậy, Ngài biết rõ chánh pháp mà diễn nói có chỗ chưa tận cùng. Tuy Như Lai nói còn có điều ngoại lệ như vậy, nhưng cần phải dùng phương tiện để làm rõ ý nghĩa.

Tất cả các núi rừng đều có cỏ cây mọc, điều ấy cũng chưa trọn vẹn. Vì sao? Vì các loại cây như vàng, bạc, lưu ly cũng gọi là rừng. Tất cả những người nữ đều mang tâm dua vạy, điều ấy cũng chưa trọn vẹn. Vì sao? Vì những người nữ khéo trì giới cấm, thành tựu công đức, có tâm từ bi lớn. Tất cả bậc Tự tại chắc chắn hưởng an lạc, điều ấy vẫn chưa trọn vẹn. Vì sao? Vì bậc Tự tại như Chuyển luân Thánh vương, Phạm vương, Đế Thích, các cõi trời v.v... tuy được tự tại nhưng đều bị vô thường. Riêng Như Lai là đấng Pháp vương không lệ thuộc vào tử ma nên không diệt tận, được thường trụ không biến đổi, mới gọi là tự tại, đó cũng là Đại Niết-bàn của Đại thừa.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông nay biện tài rất là khéo léo, thôi hãy lắng nghe.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ông trưởng giả lâm bệnh, lương y

chẩn đoán bổ thuốc. Khi ấy, người bệnh vì ham uống nhiều thuốc, vị lương y liền nói: “Nếu có thể lành bệnh ngay thì nên uống nhiều thuốc, nhưng nay thân thể ông gầy ốm không nên uống nhiều thuốc, phải biết rằng thuốc này cũng là cam lồ nhưng cũng là thuốc độc. Nếu uống vào nhiều mà tác hại không lành bệnh thì gọi là thuốc độc”.

Này thiện nam! Ông chớ cho lời nói của vị lương y trái với nghĩa lý, làm hỏng công hiệu của thuốc.

Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, vì các quốc vương, hậu phi, thái tử, vương tử, đại thần, nên nhân cái tâm kiêu mạn của vương tử, hậu phi của vua Ba-tư-nặc, vì Ta muốn điều phục họ mà thị hiện làm cho họ lo sợ, cũng như vị lương y kia, do đó Ta nói kệ:

*Tất cả các sông ngòi
Chắc có chỗ uốn cong
Tất cả những núi rừng
Đều có cỏ cây mọc
Tất cả các người nữ
Đều mang tâm dua vạ
Tất cả bậc Tự tại
Đều thọ hưởng an lạc.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên biết lời nói của Như Lai không có sai sót, như cõi đất này có thể lật úp, nhưng lời nói của Như Lai không bao giờ sai sót. Do ý nghĩa đó mà tất cả lời nói của Như Lai còn có ngoại lệ.

Bấy giờ, Đức Như Lai khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông từ lâu đã biết nghĩa đó, vì thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho họ được trí tuệ nên rộng hỏi Như Lai về ý nghĩa của bài kệ ấy.

Lúc này, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi đến trước Phật nói kệ:

*Lời nói của người khác
Tùy thuận không chống đối
Cũng đừng xem xét họ*

*Có làm hay không làm
Mà hãy quán thân mình
Làm thiện hay làm ác.*

–Bạch Thế Tôn! Như thế, pháp được nói này không phải là chánh thuyết vì đối với lời nói của người khác tùy thuận không chống đối, cúi xin Như Lai rủ lòng thương xót, nói lời chân chánh. Vì sao Thế Tôn thường nói tất cả chín mươi lăm học phái ngoại đạo đều hưởng đến đường ác, đệ tử Thanh văn của Phật hưởng đến đường chân chánh, khéo hộ trì giới cấm, giữ gìn oai nghi, phòng hộ sáu căn, những người như thế rất ưa thích pháp Đại thừa, hưởng đến đường lành? Đối với chín bộ loại kinh điển, thấy có ai hủy báng thì vì sao Như Lai liền quả trách. Như thế, bài kệ này nghĩa là sao?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này thiện nam! Ta nói kệ này cũng không phải vì tất cả chúng sinh, mà bấy giờ chỉ nói cho vua A-xà-thế. Chư Phật Thế Tôn nếu không có nhân duyên thì không bao giờ nói lời trái nghịch. Chỉ vì có nhân duyên nên mới nói đó thôi.

Này thiện nam! Vua A-xà-thế sau khi giết cha lại đến chỗ Ta, muốn bắt bẻ Như Lai mà vặn hỏi: “Đức Thế Tôn! Ngài có Nhất thiết trí hay không có Nhất thiết trí? Nếu có Nhất thiết trí thì sao Điều-đạt từ thuở xưa, trong vô lượng kiếp thường ôm lòng xấu ác muốn theo hãm hại Như Lai, mà sao Ngài cho ông ta xuất gia?”.
Này thiện nam! Do nhân duyên đó nên Ta vì vua A-xà-thế mà nói kệ này:

*Lời nói của người khác
Tùy thuận không chống đối
Cũng đừng xem xét họ
Có làm hay không làm
Mà hãy quán thân mình
Làm ác hay làm thiện.*

Khi ấy, Ta dạy vua A-xà-thế: “Nay ông đã giết hại cha mình, tạo tội ngũ nghịch vô gián rất nặng, ông phải phát lộ để cầu thanh tịnh. Sao lại tìm lỗi lầm của người khác làm gì?”. Này thiện nam! Vì

ý nghĩa này, nên Ta vì vua A-xà-thế mà nói kệ này.

Lại nữa, này thiện nam! Cũng vì hộ trì người không phá giới, thành tựu oai nghi mà xem xét lỗi lầm người khác, nên Ta nói kệ này. Nếu có người nào nghe lời chỉ dạy của người khác mà xa lìa các điều ác, rồi lại dạy cho người khác nữa cũng xa lìa điều ác, những người như vậy chính là đệ tử của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ:

*Tất cả sợ đao gậy
Và thương yêu thân mình
Xét ta ra kẻ khác
Chớ giết hại đánh đập.*

Lúc này, Văn-thù-sư-lợi ở trước Phật lại nói kệ:

*Chẳng phải tất cả sợ đao gậy
Chẳng phải ai cũng quý thân mạng
Suy xét ta biết ra người khác
Chuyên cần thực hành phương tiện lành.*

Nghĩa cú pháp của Đức Như Lai nói chưa được rõ ráo. Vì sao? Vì như A-la-hán, Chuyển luân Thánh vương, ngọc nữ, voi, ngựa, đại thần chủ kho mà bị chư Thiên, loài người và A-tu-la cầm gươm bén làm hại thì điều này không thể có. Như dũng sĩ, liệt nữ, ngựa chúa, thú chúa, Tỳ-kheo trì giới dầu bị kẻ đối nghịch đến hãm hại nhưng họ chẳng sợ. Do nghĩa này nên bài kệ của Như Lai nói, nghĩa của nó chưa rõ ráo.

Nếu nói suy xét ta biết ra người khác, thì nghĩa này cũng chưa rõ ráo. Vì sao? Giả sử A-la-hán lấy mình suy ra người, tức là còn tưởng ngã cho đến tưởng mạng. Nếu còn tưởng ngã cho đến tưởng mạng thì phải giữ gìn và phạm phu lẽ ra cũng thấy A-la-hán còn là người hành pháp. Nếu người thấy như vậy là tà kiến. Nếu có tà kiến thì sau khi chết liền đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại nữa, nếu A-la-hán sinh tâm sát hại chúng sinh thì điều này không thể có và vô lượng chúng sinh cũng không thể làm hại A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói tưởng ngã là đối với chúng sinh sinh tâm đại bi, không có tưởng giết hại, đó là tâm bình đẳng của A-la-hán. Ông chớ cho rằng Như Lai không có nhân duyên mà nói lời nghịch ấy. Thuở xưa trong thành Vương-xá này, có người thợ săn giết nhiều đàn nai, mời Ta ăn thịt. Lúc đó, tuy nhận lời, nhưng đối với chúng sinh, Ta sinh lòng từ bi xem như La-hầu-la mà nói kệ:

*Nguyện cho người trường thọ
Sống được lâu ở đời
Hành trì pháp bất hại
Thọ mạng như chư Phật.*

Do nhân duyên này nên Ta nói kệ kia:

*Tất cả sợ đao gậy
Không ai chẳng quý thân
Xét ta ra kẻ khác
Chớ giết chớ đánh đập.*

Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Vì các Đại Bồ-tát mà ông gạn hỏi Như Lai về giáo pháp sâu xa như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

*Tùy thuận và tôn trọng
Cha mẹ như thế nào?
Vì sao tu pháp này
Đọa vào ngục vô gián?*

Đức Như Lai dùng kệ đáp Văn-thù-sư-lợi:

*Nếu lấy ái làm mẹ
Dùng vô minh làm cha
Rồi tùy thuận tôn trọng
Thì đọa ngục vô gián.*

Bấy giờ, Đức Như Lai lại vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ:

*Tất cả lệ thuộc người
Thì gọi đó là khổ*

*Tất cả đều do mình
Tự tại được an vui
Tất cả kẻ kiêu mạn
Thế lực rất bạo ác
Tất cả người hiền thiện
Được mọi người thương yêu.*

Lúc này, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lời của Như Lai nói, nghĩa cũng chưa rõ ráo. Ngưỡng mong Như Lai xót thương nói về nhân duyên đó. Vì sao? Vì như con của trưởng giả lúc theo thầy học tập là lệ thuộc vào thầy chẳng? Nếu nói lệ thuộc vào thầy thì nghĩa này không thành tựu. Còn cho rằng chẳng lệ thuộc vào thầy thì nghĩa này chẳng thành tựu. Vì thế lời của Như Lai nói còn có ngoại lệ.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như vương tử không tập quen mọi việc nên khi gặp việc thì chẳng làm được. Đó là người tự tại nhưng ngu dốt, thường bị khổ. Vương tử như vậy nếu cho là tự tại thì nghĩa này cũng chưa thành tựu, nhưng nói lệ thuộc vào người khác thì nghĩa này cũng chẳng thành tựu. Do đó nên nói nghĩa bài kệ mà Phật nói chưa rõ ráo. Do vậy tất cả mọi người lệ thuộc vào người khác, chưa hẳn là thọ khổ. Tất cả mọi người tự tại chưa hẳn là thọ vui.

Nói tất cả người kiêu mạn có thế lực bạo ác thì nghĩa này cũng chưa rõ ráo. Bạch Thế Tôn! Như các liệt nữ tâm kiêu mạn nên xuất gia học đạo, giữ gìn giới cấm, thành tựu oai nghi, phòng hộ sáu căn chẳng cho buông lung. Thế nên tất cả những người bị kiêu mạn trói buộc chưa hẳn là bạo ác.

Nói người hiền lành được tất cả mọi người thương yêu, nghĩa này vẫn chưa rõ ráo. Như người đã phạm bốn tội nặng mà chẳng bỏ pháp phục, cố giữ hình thức cũ, người hộ trì chánh pháp thấy vậy chẳng ưa. Người phạm giới đó sau khi chết chắc chắn đọa vào địa ngục. Nếu có người hiền phạm trọng tội, người hộ trì chánh pháp thấy vậy liền đuổi ra khỏi chùa, khiến họ hoàn tục. Do nghĩa này nên tất cả người hiền đâu phải người nào cũng được mọi người

thương mến.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Vì có nhân duyên nên Như Lai nói nghĩa này chưa được rõ ráo. Lại có nhân duyên nên chư Phật Như Lai mới nói pháp này.

Thuở xưa, trong thành Vương-xá có người nữ tên là Thiện Hiền. Nhân trên đường trở về nhà cha mẹ, cô này đến chỗ Ta quy y Tam bảo và nói: “Tất cả người nữ có thể lực cũng chẳng được tự do, tất cả người nam thì khác được tự do vô ngại”.

Khi ấy, Ta biết tâm của cô này mà nói bài kệ kia.

Này Văn-thù-sư-lợi! Lành thay! Lành thay! Ông nay vì tất cả chúng sinh mà hỏi Như Lai về mặt ngữ như vậy.

Bồ-tát Văn-thù lại nói:

–Trước đây Thế Tôn có nói bài kệ:

*Tất cả các chúng sinh
Nhờ ăn uống mà sống
Tất cả người sức mạnh
Tâm họ không ganh ghét
Tất cả do ăn uống
Mà sinh ra các bệnh
Tất cả tu tịnh hạnh
Nên hưởng được an vui.*

Như vậy, nay Thế Tôn thọ vật thực của Thuần-đà cúng dường, cũng không lo sợ sao?

Bấy giờ, vì Văn-thù nên Đức Thế Tôn nói kệ:

*Chẳng phải tất cả chúng sinh
Đều nhờ ăn uống mà sống
Chẳng phải tất cả người mạnh
Tâm họ đều không ganh ghét
Chẳng phải đều do ăn uống
Mà chuốc lấy bệnh, khổ đau
Chẳng phải tất cả tu tịnh
Đều trọn vẹn hưởng quả vui.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ông mang bệnh thì Ta cũng mang bệnh khổ như vậy. Vì sao? Vì hàng A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát và Như Lai thật không còn ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sinh nên Ta thị hiện thọ nhân vật thực của vô lượng chúng sinh cúng dường, để cho họ được đầy đủ Thí Ba-la-mật và nhằm cứu vớt loài ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục.

Nếu cho rằng Đức Như Lai có khổ hạnh sáu năm, thân thể gầy ốm thì điều này không đúng. Chư Phật Thế Tôn cứu thoát các cõi, chẳng đồng với phàm phu, lẽ nào có thân thể gầy ốm. Chư Phật Thế Tôn tinh tấn tu tập, được thân kim cương chẳng đồng với thân mong manh của phàm phu. Hàng đệ tử của Ta cũng như vậy, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng còn nương nơi sự ăn uống.

Nói rằng tất cả người mạnh khỏe không có tâm ganh ghét, nghĩa này cũng chưa rốt ráo, vì trong thế gian có người suốt đời không có tâm ganh ghét mà họ vẫn không có sức mạnh.

Nói rằng tất cả bệnh khổ do sự ăn uống mà sinh ra thì nghĩa này cũng chưa rốt ráo. Vì cũng thấy có người mang bệnh do lý do khác đưa đến như là bị chém đâm do dao kiếm bén.

Nói rằng tất cả người tu tịnh hạnh đều được quả an vui thì nghĩa cũng chưa rốt ráo, vì trong đời cũng có những ngoại đạo tu tịnh hạnh mà vẫn thọ lấy nhiều khổ não. Vì nghĩa này nên bài kệ trước đây của Ta nói, nghĩa của nó chưa được rốt ráo. Đó gọi là Như Lai vì nhân duyên mà nói kệ ấy. Nhân duyên ấy là thuở xưa ở nước Ưu-thiên-ni có Bà-la-môn tên là Cổ Đề Đức đến chỗ Ta thọ pháp Bát quan trai giới lần thứ tư, Ta vì Bà-la-môn ấy mà nói bài kệ như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là nghĩa rốt ráo, thế nào gọi là nghĩa nhất thiết?

–Này thiện nam! Nhất thiết là, trừ pháp trợ đạo, còn thường, lạc, pháp thiện đó gọi là Nhất thiết, cũng gọi là rốt ráo. Ngoài ra các pháp khác cũng gọi là chưa rốt ráo, cũng gọi là rốt ráo. Đó là vì muốn làm cho các thiện nam ưa thích chánh pháp, biết nghĩa chưa rốt ráo và nghĩa rốt ráo này.

Bồ-tát Ca-diếp vô cùng vui mừng, phấn khởi bạch Phật:

–Lạ thay! Đức Thế Tôn bình đẳng xem chúng sinh như La-hầu-la!

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Nay chỗ kiến giải của ông rất sâu xa vi diệu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai nói về công đức mà kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa đạt được.

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nếu người nào nghe được tên của kinh này thì công đức đạt được chẳng phải hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có thể tuyên thuyết, chỉ có Như Lai mới biết rõ. Vì sao? Vì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của Phật, huống nữa là người thọ trì, đọc tụng, thông thuộc biên chép kinh này.

Bấy giờ, chư Thiên, loài người và A-tu-la ở trước Phật, khác miệng đồng lời nói kệ:

*Chư Phật khó nghĩ bàn
Pháp và Tăng cũng vậy
Vì thế nay kính thỉnh
Cúi xin Phật lưu lại
Tôn giả Đại Ca-diếp
Cùng với A-nan-đà
Đồ chúng của hai vị
Trong chốc lát sẽ đến
Đại vương A-xà-thế
Quốc chủ Ma-già-đà
Chí tâm kính tin Phật
Vẫn còn chưa đến đây
Cúi xin Đức Như Lai
Thương xót trụ giây lát
Ở trong đại chúng này*

Trừ lưới nghi chúng con.

Lúc này, vì các đại chúng nên Đức Như Lai nói kệ:

Trưởng tử trong pháp Ta

Chính là Đại Ca-diếp

A-nan siêng tinh tấn

Đoạn trừ tất cả nghi

Các ông nên biết rõ

A-nan bậc đa văn

Tự nhiên hiểu rõ được

Pháp thường và vô thường

Vì thế nên các ông

Chớ ưu buồn sầu não.

Bấy giờ, đại chúng đem đủ các vật đến cúng dường Đức Như Lai. Cúng Phật xong, tất cả đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ-tát được trụ Địa thứ nhất.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thọ ký riêng cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Ca-diếp và Thuần-đà. Thọ ký xong, Đức Phật dạy:

–Này các thiện nam! Tự tu tâm mình chớ có phóng dật. Nay Ta đau lưng, toàn thân nhức mỏi. Ta muốn nằm như một đứa trẻ, như người bệnh. Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói rộng các pháp lớn. Nay Ta đem pháp này giao phó cho ông, cho đến lúc A-nan và Ca-diếp đến, ông nên phó chúc chánh pháp lại như vậy.

Sau khi dặn dò xong, Đức Như Lai vì muốn điều phục các chúng sinh nên hiện thân bệnh, nằm nghiêng bên phải như một người bệnh.

